

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 9 năm 2019

ĐIỂM THI

**PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 44, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Anh	1	65	6.5	Sáu rưỡi	
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2	33	7.5	Bảy rưỡi	
3	Vương Thị Vân Anh	3	18	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Công Bình	4	57	7.5	Bảy rưỡi	
5	Bùi Thị Thanh Châm	5	23	7.0	Bảy	
6	Phan Thanh Chương	6	76	6.0	Sáu	
7	Trương Đức Cường	7	27	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Mạnh Cường	8	66	6.5	Sáu rưỡi	
9	Võ Việt Cường	9	06	7.5	Bảy rưỡi	
10	Trần Lê Duy	10	49	6.0	Sáu	
11	Đoàn Minh Đức	11	26	7.0	Bảy	
12	Đỗ Thị Vân Giang	12	70	7.0	Bảy	
13	Phan Thị Vân Giang	13	14	8.0	Tám	
14	Cao Thị Thu Hà	14	69	6.5	Sáu rưỡi	
15	Nguyễn Mạnh Hà	15	77	6.5	Sáu rưỡi	
16	Đỗ Thị Hải	16	83	7.5	Bảy rưỡi	
17	Phạm Văn Hải	17	81	7.0	Bảy	
18	Hà Thị Thu Hằng	18	72	6.5	Sáu rưỡi	
19	Nguyễn Thị Lệ Hằng	19	74	7.0	Bảy	
20	Trần Quang Hanh	20	60	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Hạnh	21	78	7.0	Bảy	
22	Nông Hồng Hạnh	22	71	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Trần Thị Thu Hiền	23	16	7.5	Bảy rưỡi	
24	Trần Thị Hiền	24	05	7.5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thanh Hiền	25	46	7.0	Bảy	
26	Lê Khánh Hiệp	26	39	7.0	Bảy	
27	Nguyễn Thị Anh Hoa	27	45	8.0	Tám	
28	Hữu Thị Hồng Hoa	28	44	7.5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Lan Hoa	29	15	8.0	Tám	
30	Nguyễn Ngọc Hoan	30	13	7.0	Bảy	
31	Nguyễn Thị Thu Hồng	31	68	6.5	Sáu rưỡi	
32	Trần Thị Bích Hợp	32	09	8.0	Tám	
33	Đỗ Trọng Hùng	33	61	6.5	Sáu rưỡi	
34	Đào Thị Thu Hương	-	-	-	-	Bảo lưu
35	Ngô Thị Hương	34	24	7.0	Bảy	
36	Nguyễn Ngọc Hường	35	11	7.5	Bảy rưỡi	
37	Dương Ngọc Khang	36	73	7.0	Bảy	
38	Cao Tiến Khoa	37	56	7.0	Bảy	
39	Đặng Thị Kiều	38	41	7.5	Bảy rưỡi	
40	Hoàng Thị Bích Lệ	39	28	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Phương Liên	40	79	7.0	Bảy	
42	Lã Đỗ Khánh Linh	41	37	7.0	Bảy	
43	Nguyễn Thị Loan	42	19	7.0	Bảy	
44	Dương Thị Thanh Mai	43	25	7.0	Bảy	
45	Đặng Thị Mai	44	22	7.0	Bảy	
46	Đỗ Thanh Mai	45	10	7.5	Bảy rưỡi	
47	Trần Duy Minh	46	36	6.5	Sáu rưỡi	
48	Hoàng Thu Nga	47	84	7.0	Bảy	
49	Lý Thị Thu Nga	48	17	7.0	Bảy	
50	Nguyễn Thị Nghĩa	49	02	7.5	Bảy rưỡi	
51	Dương Thế Ngọc	50	40	6.5	Sáu rưỡi	
52	Phạm Văn Ngọc	51	20	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Phạm Thị Minh Nguyệt	52	04	7.0	Bảy	
54	Nguyễn Thị Như Nguyệt	53	48	7.0	Bảy	
55	Dương Thị Như	54	03	7.0	Bảy	
56	Trần Thị Tuyết Nhung	55	51	6.0	Sáu	
57	Ninh Hồng Phần	56	50	6.0	Sáu	
58	Hà Thị Minh Phương	57	55	6.5	Sáu rưỡi	
59	Hồ Thị Thanh Phương	58	53	6.5	Sáu rưỡi	
60	Lê Thị Phương	59	52	6.0	Sáu	
61	Đào Thị Hồng Phụng	60	47	7.0	Bảy	
62	Phạm Quốc Quân	61	59	6.0	Sáu	
63	Lê Văn Quang	62	62	6.5	Sáu rưỡi	
64	Nguyễn Kim Quy	63	32	6.5	Sáu rưỡi	
65	Ninh Văn Quý	64	21	7.0	Bảy	
66	Chu Thị Hồng Quyên	65	80	7.0	Bảy	
67	Nguyễn Thị Sinh	66	12	8.0	Tám	
68	Vũ Thị Tâm	67	82	7.5	Bảy rưỡi	
69	Vũ Chiến Thắng	68	01	7.0	Bảy	
70	Nguyễn Thị Thảo	69	29	8.0	Tám	
71	Lê Thành Thế	70	67	7.0	Bảy	
72	Nguyễn Xuân Thế	71	38	6.5	Sáu rưỡi	
73	Đỗ Lê Thủy	72	08	7.0	Bảy	
74	Ngô Thu Thủy	73	07	8.0	Tám	
75	Vũ Mạnh Thủy	74	64	6.5	Sáu rưỡi	
76	Nguyễn Phương Thủy	75	42	7.5	Bảy rưỡi	
77	Vũ Thị Thanh Thủy	76	58	6.0	Sáu	
78	Phạm Đình Tiệp	77	75	7.0	Bảy	
79	Phạm Bá Trường	78	43	7.0	Bảy	
80	Nguyễn Xuân Trường	79	31	8.0	Tám	
81	Trần Xuân Tứ	80	34	7.0	Bảy	
82	Phùng Thị Tuyết	81	30	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
83	Ma Thị Thúy Vân	82	54	8.0	Tám	
84	Nguyễn Xuân Vinh	83	35	7.0	Bảy	
85	Ngô Trí Vĩnh	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
86	Trần Anh Vũ	84	63	6.5	Sáu rưỡi	
87	Nguyễn Hồng Quân	85	87	7.5	Bảy rưỡi	Phần V.1-K10Phủ Bình
88	Nguyễn Như Quyên	86	88	8.0	Tám	Phần V.1-K10Phủ Bình
89	Lý Thị Minh Kết	87	86	7.5	Bảy rưỡi	Phần V.1-K10Phủ Bình
90	Dương Minh Trung	88	85	7.0	Bảy	Phần V.1-K10Phủ Bình

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên